

Số: 02 /2020/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý
rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
trên địa bàn thành phố Nha Trang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 47/TT-Tr-STC ngày 23 tháng 11 năm 2019.



QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, chủ nguồn thải sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Nha Trang.

2. Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chủ thu gom, vận chuyển chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý nhà nước về giá đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang.

4. Đối tượng được miễn thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt: Các hộ gia đình thuộc diện nghèo được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo.

Điều 3. Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)
I	Hộ xả thải		
1	Hộ gia đình có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	44.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	88.000
2	Hộ gia đình không có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	34.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	68.000
3	Hộ gia đình trên đảo có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	28.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	55.000

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)
4	Hộ gia đình trên đảo không có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	21.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	43.000
5	Cá nhân thuê nhà để ở, học sinh, sinh viên ở khu nội trú, ký túc xá		
a	Nếu có công nhân đến tận nơi lấy rác	Đồng/người/tháng	15.000
b	Nếu không có công nhân đến tận nơi lấy rác	Đồng/người/tháng	11.000
6	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ (hộ kinh doanh chưa đóng thuế môn bài, có mức thuế môn bài bậc 4, 5, 6)		
a	Buôn bán nhỏ hàng ăn uống (chưa quản lý thu thuế môn bài)	Đồng/hộ/tháng	92.000
b	Hộ kinh doanh hàng ăn uống có đóng thuế môn bài	Đồng/hộ/tháng	129.000
c	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	74.000
d	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	55.000
7	Hộ kinh doanh buôn bán lớn (hộ kinh doanh có mức thuế môn bài bậc 1, 2, 3)		
a	Hộ kinh doanh hàng ăn uống	Đồng/tấn rác	614.000
b	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/tấn rác	614.000
II	Cơ sở SXKD, trụ sở cơ quan, doanh nghiệp		
8	Nhà nghỉ du lịch, nhà trọ, khách sạn	Đồng/tấn rác	614.000
9	Các đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, mẫu giáo, nhà trẻ, mầm non		
a	Lượng rác thải nhỏ hơn 250 kg/tháng	Đồng/đơn vị/tháng	123.000
b	Lượng rác thải từ 250 kg/tháng đến dưới 500 kg/tháng	Đồng/đơn vị/tháng	230.000
c	Lượng rác thải từ 500 kg/tháng trở lên	Đồng/tấn rác	614.000

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)
10	Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, văn phòng làm việc của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, viện nghiên cứu	Đồng/đơn vị/tháng	184.000
11	Cửa hàng, kho hàng, trụ sở giao dịch của các doanh nghiệp, công ty thuộc các thành phần kinh tế	Đồng/tấn rác	614.000
12	Các nhà máy, bệnh viện, chợ, siêu thị, nhà ga, bến cảng, các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế (không bao gồm các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất)	Đồng/tấn rác	614.000
13	Các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất, các công trình xây dựng và các đơn vị tổ chức hội chợ trên địa bàn	Đồng/tấn rác	614.000
14	Cơ sở sản xuất kinh doanh có phương tiện vận chuyển rác thải đến khu xử lý	Đồng/tấn rác	254.504

Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. UBND thành phố Nha Trang

a) Quyết định mức giá cụ thể để áp dụng cho từng đối tượng trên địa bàn (trên cơ sở định mức phát sinh rác thải sinh hoạt cho từng đối tượng) phù hợp với từng thời kỳ nhưng không vượt quá mức giá tối đa nêu trên.

b) Quyết định và công khai các đối tượng được miễn nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn (nếu có).

c) Chỉ đạo đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ tổ chức thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn, có biện pháp tổ chức thu tiền dịch vụ, hạn chế thu sót đối tượng, thu không đủ mức thu quy định; số thu nộp ngân sách theo quy định. Đồng thời, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công khai, niêm yết giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và thu theo giá niêm yết.

d) Trong trường hợp có biến động (tăng hoặc giảm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách) thì lập phương án giá, đề xuất mức giá dịch vụ mới phù hợp với biến động tăng hoặc giảm chi phí, gửi hồ sơ về Sở Tài chính, Sở Xây dựng để tổ chức cuộc họp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa

Chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về hóa đơn, chứng từ và trích nộp thuế theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan và UBND thành phố Nha Trang tổ chức thẩm định phương án giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng từ nguồn vốn ngân sách theo đề nghị của UBND thành phố Nha Trang, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh theo quy định.

b) Chủ trì tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, thu, chi và quyết toán tiền thu dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020; bãi bỏ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quốc hội, VP Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, các Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo KH;
- Trung tâm thông tin điện tử tổng hợp KH;
- Đài Phát thanh-Truyền hình KH;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, HB, HLT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng